

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 208/2022/HSPT
Ngày: 31-08-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Tuấn, bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Quang Hùng - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 189/HSPT ngày 27 tháng 07 năm 2022, đối với các bị cáo Trịnh Trọng M và 03 bị cáo về tội: “*Đánh bạc*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST, ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1/ Họ và tên: TRỊNH TRỌNG M - Sinh năm: 1981, tại Huyện PL, tỉnh Bắc Ninh; Nơi cư trú: Buôn C, xã AB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Trịnh Trọng Ch, sinh năm 1944 và bà Đặng Thị N1, sinh năm 1952; Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/3/2013, bị Công an xã PT, huyện PL, tỉnh Bắc Ninh xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.000.000 đồng, đã chấp hành xong quyết định xử phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2022 đến ngày 25/02/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: VĂN THỊ PH - Sinh năm: 1978; tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: thị trấn TB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Văn X1, sinh năm 1935 và bà Lê Thị D1, sinh năm 1942. Bị cáo có chồng tên là: Nguyễn Minh H1, sinh năm: 1972; Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2022 đến ngày 25/02/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: MAI VĂN L - Sinh năm: 1978; tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn BE, xã AB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông: Mai Trung T1, sinh năm 1957 và bà Vũ Thị Th2, sinh năm 1958; Bị cáo có vợ tên là: Nguyễn Thị L1 sinh năm: 1978 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2022 đến ngày 25/02/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: NGUYỄN THẾ C - Sinh năm: 1981, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn C, xã AB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông: Nguyễn Mạnh Th3, sinh năm 1954 và bà Trần Thị Kim L2, sinh năm 1959; Bị cáo có vợ tên là Trần Thị Phương D3, sinh năm 1982; Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2022 đến ngày 25/02/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 02 bị cáo Nguyễn Văn Nh, Chu Văn Tr nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 17/02/2022, Trịnh Trọng M tổ chức nhậu chia tay để đi làm ăn tại tỉnh Bình Dương và mời Chu Văn Tr, Văn Thị Ph, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Thế C và Mai Văn L đến tham dự tại nhà của bà Bùi Thị Đ4 (là người yêu của M). Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, sau khi nhậu xong, Nh rủ Ph, M, Tr, C và L tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bài cào liêng thắng thua bằng tiền thì mọi người đồng ý. Sau đó Nh, Ph, M, Tr, C và L ngồi trên 02 chiếc chiếu trải sẵn tại phòng bếp nhà M và lấy 02 bộ bài Tú lơ khơ loại 52 lá bài có sẵn tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bài cào liêng thắng, thua bằng tiền. Mỗi ván bạc những người tham gia đánh bạc đặt cược 20.000 đồng, tổ cao nhất là 100.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, khi những người trên đang tham gia đánh bạc thì lực L Công an huyện K phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi đánh bạc, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.730.000 đồng, 02 chiếc chiếu cói màu vàng và 02 bộ bài Tú lơ khơ phục vụ cho việc đánh bạc.

Các đối tượng đánh bạc, thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài cào liêng, sát phạt nhau, tư lợi và mục đích là nhằm lấy tiền của người thua bạc. Quá trình xác định: khi đánh bạc, M mang theo số tiền 2.000.000 đồng (*M cho Mai Văn L mượn 1.000.000 đồng để đánh bạc và M sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, kết quả thắng được 100.000 đồng và bỏ toàn bộ số tiền trên xuống chiếu bạc*); Chu Văn Tr mang theo số tiền 900.000 đồng sử dụng để đánh bạc (*thua 400.000 đồng và bỏ số tiền 500.000 đồng xuống chiếu bạc*); Nguyễn Thế C mang theo số tiền 2.650.000 đồng sử dụng để

đánh bạc (thắng nhưng không xác định được là bao nhiêu và bỏ số tiền trên xuống chiếu bạc); Mai Văn L mượn M số tiền 1.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc (thua 400.000 đồng, bỏ 600.000 đồng xuống chiếu bạc); Văn Thị Ph mang theo số tiền 2.580.000 đồng sử dụng để đánh bạc (thắng nhưng không xác định bao nhiêu và bỏ hết số tiền trên xuống chiếu bạc); Nguyễn Văn Nh mang theo số tiền 1.600.000 đồng sử dụng để đánh bạc (thua nhưng không xác định bao nhiêu và bỏ toàn bộ số tiền trên xuống chiếu bạc).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST, ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Nh, Trịnh Trọng M, Văn Thị P, Nguyễn Thế C, Chu Văn Tr và Mai Văn L phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Thế C 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2022 đến ngày 25/02/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Văn Thị P 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2022 đến ngày 25/02/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trịnh Trọng M 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2022 đến ngày 25/02/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Mai Văn L 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2022 đến ngày 25/02/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với 02 bị cáo Nguyễn Văn Nh, Chu Văn Tr; xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 22/6/2022 bị cáo Mai Văn L, Nguyễn Thế C có đơn kháng cáo; Cùng ngày 23/6/2022 bị cáo Trịnh Trọng M, Văn Thị Ph có đơn kháng cáo. Các bị cáo kháng cáo cùng nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Trịnh Trọng M và đồng bọn về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị

cáo là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và có nơi cư trú rõ ràng nên việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội là không cần thiết. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 BLTTHS; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS sửa án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Trọng M 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế C 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Văn Thị Ph 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Văn L 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội để lao động và nuôi gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập, đánh giá có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Trưa ngày 17/02/2022, tại nhà của bà Bùi Thị Đ4 ở Buôn C, xã AB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Trịnh Trọng M, Nguyễn Văn Nh, Văn Thị Ph, Mai Văn L, Chu Văn Tr và Nguyễn Thế C tham gia đánh bạc ăn tiền, dưới hình thức đánh bài cào liêng thì bị Công an huyện phát hiện, lập biên bản thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.730.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Xét mức hình phạt 10 tháng tù đối với các bị cáo Văn Thị Ph, Nguyễn Thế C và hình phạt 08 tháng tù đối với bị cáo Mai Văn L là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có trình độ học vấn thấp do đó nhận thức về pháp luật cũng có phần hạn chế; Bị cáo Ph hiện đang nuôi con nhỏ sinh năm 2019 và chữa trị bệnh ung thư tại bệnh viện ung bướu Tp.HCM. Do đó hội đồng xét xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo. Xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết, Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương rèn luyện, giáo dục cũng đủ cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội. Các bị cáo đều là lao động có thu nhập thấp, không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[2.2]. Bị cáo Trịnh Trọng M đã từng bị xử phạt hành chính phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong quyết định xử phạt năm 2013, bản án sơ thẩm đã đánh giá vai trò, tính chất hành vi phạm tội cũng như nhân thân để phân hóa hình phạt đối với bị cáo, xét mức hình phạt 10 tháng tù mà bản án đã tuyên đối với bị cáo Trịnh Trọng M là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, do đó cần giữ nguyên mức hình phạt đã tuyên đối với bị cáo M. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là thiếu sót, do đó cấp phúc thẩm cần áp dụng bổ sung cho đầy đủ. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội, mà cho các bị cáo được tự cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt.

[3]. Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ, e khoản 1 Điều 357; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Trọng M, Văn Thị P, Nguyễn Thế C và Mai Văn L - Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 19/2022/HS-ST, ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

[2] Về mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Trọng M 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Trọng M cho Ủy ban nhân dân xã AB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm

phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Tr hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế C 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2022 đến ngày 25/02/2022 là 09 ngày, quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 23 (Hai mươi ba) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã AB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Văn Thị P 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2022 đến ngày 25/02/2022 là 09 ngày, quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 23 (Hai mươi ba) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Mai Văn L 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2022 đến ngày 25/02/2022 là 09 ngày, quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 17 (Mười bảy) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã AB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Thế C, Mai Văn L cho Ủy ban nhân dân xã AB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban xã AB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Văn Thị P cho Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Thế C, Văn Thị P, Mai Văn L.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với các bị cáo Trịnh Trọng M, Văn Thị P, Nguyễn Thế C và Mai Văn L kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trịnh Trọng M, Văn Thị P, Nguyễn Thế C và Mai Văn L không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Kr. Ana;
- VKSND huyện Kr. Ana;
- Công an huyện Kr. Ana;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết